

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 830/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 960/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa những người yêu cầu:

- Anh **Phạm Đình T**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: căn a, tòa b, lô c, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Chị **Trần Thị T1**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: căn a, tòa b, lô c, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại căn a, tòa b, lô c, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải và bản thân anh chị cũng tìm mọi biện pháp tích cực hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay anh T và chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về con chung: Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 thống nhất xác nhận anh, chị có 02 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Tiến T2, sinh ngày 06/6/2021.

Ly hôn, anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 02/01/2019 cho anh Phạm Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Phạm Tiến T2, sinh ngày 06/6/2021 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh T và chị T1 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Phạm Đình T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là ngày 12 tháng 12 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1.

- **Về con chung:** Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 thống nhất xác nhận anh chị có 02 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Tiến T2, sinh ngày 06/6/2021.

Giao con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 02/01/2019 cho anh Phạm Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Phạm Tiến T2, sinh ngày 06/6/2021 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Phạm Đình T, chị Trần Thị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung:** Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

- **Về nợ chung:** Anh Phạm Đình T và chị Trần Thị T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Đình T chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0050926 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (GCNKH số 126 ngày 10/7/2018);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Phương Minh